

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						274 231	111 304	156 663			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						11 851	4 714	7 137			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						5 200	4 714	486			
1		ĐẠM HÀ BẮC	12/10	1325/10	27/10	QN 4140	CẨM 4A.1	1 800	1 774	26	13/10	HỘ LỎN	MỐN: 1.755,84
2		TTC	13/10	09/10	20/10	HN 2028	CỤC 4A.1	1 150	1 130	20	13/10	TD	
3		THẮNG CUỒNG	13/10	10/10	20/10	HN 2089	CỤC 4A.1	1 250	1 224	26	13/10	TD	
4		V TRACO	13/10	08-B/10	20/10	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000	586	414	RÓT DỖ	TD	THAY 08/10
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						6 651		6 651			
1		ĐẠM HÀ BẮC	13/10	1326/10	28/10	QN 4114	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỎN	
2		TNV HẢI DƯƠNG	07/10	04/10	14/10	BN 2212	CỤC XỎ 1C	1 921		1 921		TD	
3		SX & TM ƯƠNG BÍ	09/10	05/10	15/10	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
4		SÔNG HỒNG	10/10	07/10	17/10	TNG 0889	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
5		SÔNG HỒNG	11/10	1236/9	18/10	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L3
		<u>Tàu chuyển tải</u>						140 500	82 659	57 841			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						140 500	82 659	57 841			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200	19 118	82	13/10	HỘ LỎN	TTHG: 11.454,67 - KDTCP: 7.663,34
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	1312/10		HPS-02	CẨM 6A.1	24 050	23 940	110	13/10	HỘ LỎN	TTHG: 14.202,41 - KVCP: 9.738,01
3		ĐIỆN VŨNG ẢNG	07/10	1315/10		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.14	22 750	11 760	10 990	DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 9.768,57 - CLM: 9.000 - KDTCP: 4.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/10	1314-B/10		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	26 000	5 850	20 150	DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 13.000 - KDTCP: 13.000
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	08/10	1319/10		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 000	16 791	8 209	DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.000
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/10	1322/10		GOLDEN STAR	CẨM 6A.10	23 500	5 200	18 300	DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 8.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 5.500
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>											
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						22 172	10 409	11 763			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						12 432	10 409	2 023			
1		NINH BÌNH	12/10	397	19/10	HY - 0644	CẨM 7C	2 705	1 247	1 458	DỖ	PT CB	CAO SƠN
2		SÔNG HỒNG	11/10	358	19/10	BN - 2936	CẨM 8A	1 930	1 913	17	13/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1048/9
3		COALIMEX	11/10	357	19/10	BN - 1758	CẨM 8A	1 000	986	14	13/10	TD	ĐN - CS
4		CẦU ĐUÔNG	12/10	399	19/10	BN - 2335	CẨM 8A	1 360	1 358	2	13/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1226/9
5		CP ĐTTM&DV	11/10	359	18/10	BN - 1309	CẨM 8A	1 000	989	11	13/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1222/9
6		SÔNG HỒNG	10/10	314	17/10	BN - 2633	CẨM 7C	1 837	1 833	4	13/10	TD	ĐN - CS
7		CP ĐTTM&DV	11/10	367	18/10	BN - 1468	CẨM 7C	1 100	1 090	11	13/10	TD	ĐN - CS
8		XD CN MỎ	09/10	60	16/10	BN - 1718	CỤC 1B	1 500	993	507	DỖ	TD	ĐN - CS + CAO SƠN - GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh						9 740		9 740			
1		NINH BÌNH	13/10	438	20/10	NĐ 3709	CẨM 7B	2 280		2 280		PT CB	CAO SƠN
2		CP HÀNG HẢI VN	12/10	155	19/10	BN - 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		CP ĐTTM&DV	12/10	168	19/10	BN - 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		CP SXTM THAN UÔNG BÌ	11/10	360	18/10	BN - 2112	CẨM 7C	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 123/9
5		HẢI PHÒNG	11/10	361	18/10	BN - 2625	CẨM 8A	900		900		TD	CAO SƠN
6		CP ĐTTM&DV	11/10	368B	18/10	HD - 2528	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS
7		CP VT THUỶ	11/10	377	18/10	BN - 1135	CỤC 1A	910		910		TD	ĐN - CS
8		COALIMEX	13/10	437	20/10	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						4 780	-	4 780			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						4 780		4 780			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	09/10	1320/10	24/10	TĐ 01-CHN	CẨM 5A.14	2 380		2 380			
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	10/10	1321-B/10	24/10	QN 1043	CẨM 5A.14	2 400		2 400			THAY 1321/10
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						21 264	13 522	7 742			
		Tàu đã làm hàng						15 074	13 522	1 552			
1		XNK THAN VINACOMIN	12/10	388	27/10	BÌNH MINH 88	Cẩm 5b.1	3 100	3 098	2	13/10	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	12/10	387	27/10	HP 5806	Cẩm 6a.1	5 064	5 002	62	13/10	CBPT	
3		XNK THAN VINACOMIN	13/10	423	20/10	NGỌC LINH 68	Cẩm 6a.1	3 050	1 570	1 480	DỖ	CBPT	
4		ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (VIỆT THUẬN 235-02)	10/10	164	20/10	CẨM PHẢ 21	Cẩm 6a.1	3 860	3 853	7	13/10		
		Tàu đã làm lệnh						6 190		6 190			
1		KDT MIỀN BẮC	13/10	422	20/10	NB 8348	Cẩm 5b.1	2 360		2 360		CBPT	
2		VTT VINACOMIN	13/10	436	20/10	BN 1368	Đon 8a	1 030		1 030		TD	T/T: TB 313/10
3		THAN MIỀN NAM	10/10	335	17/10	QUANG HUY 36	Cục 4a.2	1 300		1 300			
4		THAN MIỀN NAM	10/10	335	17/10	QUANG HUY 36	Cẩm 5a.1	1 500		1 500			
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						52 400	-	52 400			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						52 400		52 400			
1		INDONESIA	06/10	40/10/XK		MV CHANG NING 8	CỤC 5B.2	22 400		22 400			
2		INDONESIA	10/10	42/10/XK		PU SHENG 6	CỤC 5B.2	30 000		30 000			THAY 41/10/XK
VI		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				15 000	-	15 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]